

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung -
Khoản vay bổ sung
Tên dự án thành phần: Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 621/TTr-STC ngày 23/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung.

Tên dự án thành phần: Kênh N24-Hệ thống kênh tưới Văn Phong.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

3. Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 20/6/2016 đến ngày 15/8/2020.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Bình Thuận và Tây An, huyện Tây Sơn; xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

5. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	125.885.005.708	125.639.390.855	122.001.730.000	3.637.660.855
1. Đã thanh toán			122.246.626.000	
- Vốn trái phiếu Chính phủ			136.035.000	
- Vốn ADB			112.209.000.000	
- Vốn ngân sách tỉnh			9.022.703.000	
+ <i>Vốn cấp quyền sử dụng đất</i>			<i>3.494.645.000</i>	
+ <i>Vốn đối ứng ODA</i>			<i>359.639.000</i>	
+ <i>Nguồn thu cổ tức từ nguồn NSNN</i>			<i>1.845.865.000</i>	
+ <i>Nguồn tăng thu 2015 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016</i>			<i>1.044.019.000</i>	
+ <i>Nguồn đầu tư tập trung</i>			<i>2.278.535.000</i>	
- Vốn ngân sách thị xã An Nhơn (vốn cấp quyền sử dụng đất)			136.888.000	
- Vốn ngân sách huyện Phù Cát (nguồn thu tiền sử dụng đất)			661.000.000	
- Vốn ngân sách huyện Tây Sơn (nguồn thu tiền sử dụng đất)			81.000.000	
2. Vốn đã thu hồi			244.896.000	

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	125.885.005.708	125.639.390.855
- Bồi thường, GPMB	1.075.698.708	1.066.759.000
- Xây dựng	114.012.459.000	114.264.974.855
- Quản lý dự án	2.500.631.000	2.500.631.000
- Tư vấn đầu tư xây dựng	5.850.430.000	5.838.428.000
- Chi phí khác	995.276.000	965.704.000
- Bảo hiểm công trình	266.117.000	0
- Đào tạo, tập huấn	137.620.000	137.620.000
- An toàn và tham gia của cộng đồng	336.000.000	154.500.000
- Rà phá bom mìn, vật nổ	710.774.000	710.774.000

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

b. Chi phí không tạo nên tài sản: Chi phí Đào tạo, tập huấn và An toàn tham gia của cộng đồng: 292.120.000 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			125.347.270.855	125.347.270.855
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			125.347.270.855	125.347.270.855
- Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 125.639.390.855 đồng.

Dvt: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	125.639.390.855	
1. Đã bố trí	122.246.626.000	
- Vốn trái phiếu Chính phủ	136.035.000	
- Vốn ADB	112.209.000.000	
- Vốn ngân sách tỉnh	9.022.703.000	
+ <i>Vốn cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>3.494.645.000</i>	
+ <i>Vốn đối ứng ODA</i>	<i>359.639.000</i>	
+ <i>Nguồn thu cố tức từ nguồn NSNN</i>	<i>1.845.865.000</i>	
+ <i>Nguồn tăng thu 2015 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2016</i>	<i>1.044.019.000</i>	
+ <i>Nguồn đầu tư tập trung</i>	<i>2.278.535.000</i>	
- Vốn ngân sách thị xã An Nhơn (vốn cấp quyền sử dụng đất)	136.888.000	
- Vốn ngân sách huyện Phù Cát (nguồn thu tiền sử dụng đất)	661.000.000	
- Vốn ngân sách huyện Tây Sơn (nguồn thu tiền sử dụng đất)	81.000.000	
2. Vốn đã thu hồi	244.896.000	
3. Chưa bố trí	3.637.660.855	

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (26/8/2020) là:

Tổng nợ phải trả:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	3.637.660.855	
- Xây dựng	3.125.499.855	
+ Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	1.365.942.000	
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Hoàng Phát	676.915.000	
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Châu	689.027.000	
+ Đường bê tông xi măng (Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát)	1.759.557.855	
- Chi phí khác	512.161.000	
+ Kiểm toán quyết toán	374.808.000	
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	137.353.000	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Dvt: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	125.347.270.855

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản (Chi phí không tạo nên tài sản): 292.120.000 đồng (Chi phí Đào tạo, tập huấn và An toàn tham gia của cộng đồng).

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đvt: đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
1	2	3	4
	Tổng số	125.885.005.708	125.639.390.855
A	Chi phí bồi thường, GPMB	1.075.698.708	1.066.759.000
I	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	1.054.607.247	1.054.598.500
II	Chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	21.091.461	12.160.500
B	Xây dựng	114.012.459.000	114.264.974.855
I	Xây dựng	112.343.429.000	112.329.827.855
1	Kênh N24	36.520.016.000	36.520.016.000
a	Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành		18.743.871.000
b	Công ty TNHH Đình Phát		17.776.145.000
2	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	40.677.613.000	40.676.744.000
a	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc		14.426.662.000
b	Công ty CP ĐT Xây dựng và Thương mại Hoàng Phát		12.989.284.000
c	Công ty TNHH Xây dựng Hồng Châu		13.260.798.000
3	Đường bê tông xi măng (Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát)	35.145.800.000	35.133.067.855
II	Hạng mục chung	1.669.030.000	1.669.030.000
1	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	1.419.030.000	1.419.030.000
a	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc		491.496.000
	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công		245.748.000
	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		245.748.000
b	Công ty CP ĐT Xây dựng và Thương mại Hoàng Phát		476.472.000
	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công		238.236.000
	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		238.236.000
c	Công ty TNHH Xây dựng Hồng Châu		451.062.000
	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công		225.531.000
	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		225.531.000
2	Đường bê tông xi măng (Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát) Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công	250.000.000	250.000.000
III	Bảo hiểm công trình		266.117.000
1	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai		216.117.000
a	Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc		74.854.000
b	Công ty CP ĐT Xây dựng và Thương mại Hoàng Phát		72.566.000
c	Công ty TNHH Xây dựng Hồng Châu		68.697.000
2	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh (Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát)		50.000.000
C	Chi phí quản lý dự án	2.500.631.000	2.500.631.000

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
I	Kênh N24	1.067.000.000	1.067.000.000
II	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	784.712.000	784.712.000
III	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	648.919.000	648.919.000
D	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.850.430.000	5.838.428.000
I	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1.138.548.000	1.126.546.000
1	Chi phí khảo sát địa hình	505.255.000	505.254.000
a	Kênh N24	118.979.000	118.978.000
b	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	206.029.000	206.029.000
c	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	180.247.000	180.247.000
2	Rà soát, lập dự án đầu tư kênh N24	17.057.000	17.057.000
3	Giám sát khảo sát	14.299.000	14.298.000
a	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	7.627.000	7.626.000
b	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	6.672.000	6.672.000
4	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	500.146.000	500.146.000
a	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	338.154.000	338.154.000
b	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	161.992.000	161.992.000
5	Lập nhiệm vụ khảo sát (Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh)	4.915.000	4.915.000
6	Chi phí dịch tiếng Anh	37.950.000	25.950.000
a	Kênh N24	11.400.000	11.400.000
b	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	14.550.000	14.550.000
c	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	12.000.000	0
7	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi (Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai)	58.926.000	58.926.000
II	Giai đoạn lập thiết kế BVTC	4.711.882.000	4.711.882.000
1	Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	2.068.272.000	2.068.272.000
a	Kênh N24	227.103.000	227.103.000
b	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	1.474.222.000	1.474.222.000
c	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	366.947.000	366.947.000
2	Chi phí khảo sát địa chất	216.126.000	216.126.000
a	Kênh N24	41.217.000	41.217.000
b	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	174.909.000	174.909.000
3	Lập nhiệm vụ khảo sát (Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai)	4.770.000	4.770.000
4	Giám sát khảo sát (Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai)	6.474.000	6.474.000
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	213.910.000	213.910.000
a	Kênh N24	69.120.000	69.120.000
b	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	73.766.000	73.766.000
c	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	71.024.000	71.024.000

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
6	Chi phí giám sát thi công	2.202.330.000	2.202.330.000
a	<i>Kênh N24</i>	582.021.000	582.021.000
b	<i>Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai</i>	878.957.000	878.957.000
c	<i>Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh</i>	741.352.000	741.352.000
E	Chi phí khác	995.276.000	965.704.000
I	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	23.188.000	23.188.000
1	<i>Kênh N24</i>	9.737.000	9.737.000
2	<i>Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai</i>	7.814.000	7.814.000
3	<i>Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh</i>	5.637.000	5.637.000
II	Chi phí thẩm định thiết kế cơ sở (Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai)	3.907.000	3.907.000
III	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	172.636.000	172.636.000
1	<i>Kênh N24</i>	62.711.000	62.711.000
2	<i>Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai</i>	68.603.000	68.603.000
3	<i>Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh</i>	41.322.000	41.322.000
IV	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	103.812.000	103.812.000
1	<i>Kênh N24</i>	31.418.000	31.418.000
2	<i>Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai</i>	36.882.000	36.882.000
3	<i>Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh</i>	35.512.000	35.512.000
V	Kiểm toán quyết toán	524.808.000	524.808.000
VI	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	166.925.000	137.353.000
G	Bảo hiểm công trình	266.117.000	0
I	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	216.117.000	
II	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh (Công ty TNHH Xây dựng Thành phát)	50.000.000	
H	Đào tạo, tập huấn	137.620.000	137.620.000
I	An toàn và tham gia của cộng đồng	336.000.000	154.500.000
I	Kênh N24	66.000.000	66.000.000
II	Sửa chữa, khắc phục hậu quả lũ lụt do thiên tai	180.000.000	88.500.000
III	Đường bê tông xi măng trên mặt bờ kênh	90.000.000	0
K	Rà phá bom mìn, vật nổ	710.774.000	710.774.000
I	Khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn, vật nổ		19.928.000
II	Rà phá bom mìn, vật nổ		690.846.000
L	Dự phòng chi	0	0